TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2024/QĐST-DS	*Đồ Sơn, ngày 05 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: N; địa chỉ trụ sở chính: Số 16 P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T - Chuyên viên bộ phận xử lý nợ, N - Chi nhánh Hải Phòng; Là người đại diện theo uỷ quyền (theo Giấy uỷ quyền số 2598/2022/UQ-BVB ngày 12-5-2022).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1969 và bà Lê Thị Lệ T, sinh năm 1982; cùng nơi cư trú: Tổ dân phố 2B (nay là tổ dân phố N), phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hữu Việt A, sinh năm 2001 và chị Nguyễn Thị Bạch D, sinh năm 2005; nơi cư trú: Tổ dân phố 2B (nay là tổ dân phố N), phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ dân phố 2B ((nay là tổ dân phố N), phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo uỷ quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 07-02-2024).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số dư nợ:

Ông Nguyễn Hữu Q và bà Lê Thị Lệ T còn nợ và phải thanh toán trả cho N tổng số tiền tạm tính đến ngày 26 tháng 02 năm 2024 là 486.632.610đ (Bốn trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm mười*)* đồng, trong đó nợ gốc là: 281.594.350 đ (Hai trăm tám mươi mốt triệu năm trăm chín mươi tư nghìn ba trăm năm mươi đồng), nợ lãi trong hạn là: 105.609.881đ (Một trăm linh năm triệu sáu trăm linh chín nghìn tám trăm tám mươi mốt) đồng, nợ lãi quá hạn 82.408.150đ (Tám mươi hai triệu bốn trăm linh tám nghìn một trăm năm mươi) đồng, lãi chậm trả lãi trên nợ gốc là 17.020.229đ (Mười bảy triệu không trăm hai mươi nghìn hai trăm hai mươi chín) đồng theo các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa N với ông Nguyễn Hữu Q, bà Lê Thị Lệ T; cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần đối với khách hàng cá nhân số 0367/2018/HĐTD2/BVB-021 ngày 23-4-2018 kèm theo Khế ước nhận nợ số 0367.01/2018/KUNN2/BVB-021 ngày 24-4-2018, ông Q và bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 330.647.262đ (Ba trăm ba mươi triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi hai) đồng; trong đó, nợ gốc là 180.578.745đ (Một trăm tám mươi triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi lăm) đồng, nợ lãi trong hạn là 77.386.712đ (Bảy mươi bảy triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai) đồng, nợ lãi quá hạn là 59.197.342đ (Năm mươi chín triệu một trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi hai) đồng, lãi chậm trả lãi trên nợ gốc là 13.484.463đ (Mười ba triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm sáu mươi ba) đồng.

Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần đối với khách hàng cá nhân số 1012/2018/HĐTD2/BVB-021 ngày 17-10-2018 kèm theo Khế ước nhận nợ số 1012.01/2018/KUNN2/BVB-021 ngày 17-10-2018, ông Q và bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 155.985.348đ (Một trăm năm mươi lăm triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi tám) đồng; trong đó, nợ gốc là 101.015.605đ (Một trăm linh một triệu không trăm mười lăm nghìn sáu trăm linh năm) đồng, nợ lãi trong hạn là 28.223.169đ (Hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi ba nghìn một trăm sáu mươi chín) đồng, nợ lãi quá hạn là 23.210.808đ (Hai mươi ba triệu hai trăm mười nghìn tám trăm linh tám) đồng, lãi chậm trả lãi trên nợ gốc là 3.535.766đ (Ba triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi sáu) đồng.

2.2. Về phương án trả nợ:

Chậm nhất đến ngày 25-3-2024, ông Nguyễn Hữu Q và bà Lê Thị Lệ T phải trả cho N số tiền nợ gốc là 5.000.000đồng.

Chậm nhất đến ngày 25-4-2024, ông Nguyễn Hữu Q và bà Lê Thị Lệ T phải trả cho N số tiền nợ gốc là 5.000.000đồng.

Chậm nhất đến ngày 25-5-2024, ông Nguyễn Hữu Q và bà Lê Thị Lệ T phải trả cho N số tiền nợ gốc là 5.000.000đồng.

Chậm nhất đến ngày 25-6-2024, ông Nguyễn Hữu Q và bà Lê Thị Lệ T phải trả cho N số tiền nợ gốc là 5.000.000đồng.

Chậm nhất đến ngày 25-7-2024, ông Nguyễn Hữu Q và bà Lê Thị Lệ T phải trả cho N số tiền nợ gốc là 5.000.000đồng.

Chậm nhất đến ngày 25-8-2024, ông Nguyễn Hữu Q và bà Lê Thị Lệ T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại cho N (bao gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi trên nợ gốc).

Kể từ ngày 27-02-2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Hữu Q và bà Lê Thị Lệ T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần đối với khách hàng cá nhân số 0367/2018/HĐTD2/BVB-021 ngày 23-4-2018 kèm theo Khế ước nhận nợ số 0367.01/2018/KUNN2/BVB-021 ngày 24-4-2018 và Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần đối với khách hàng cá nhân số 1012/2018/HĐTD2/BVB-021 ngày 17-10-2018 kèm theo Khế ước nhận nợ số 1012.01/2018/KUNN2/BVB-021 ngày 17-10-2018 được ký kết giữa N với ông Nguyễn Hữu Q và bà Lê Thị Lệ T nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp ông Nguyễn Hữu Q và bà Lê Thị Lệ T vi phạm bất kỳ một nghĩa vụ trả nợ hoặc cam kết nào theo phương án trả nợ như nêu trên thì N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 12, diện tích 61,7m^2, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Hai, phường Vạn Sơn (nay là tổ dân phố Nguyễn Hữu Cầu, phường Hải Sơn), quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CB 189970, số vào sổ cấp GCN CS00693 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 09-3-2016 cho ông Nguyễn Hữu Q và bà Lê Thị Lệ T (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0367/2018/HĐTC2/BVB-021 ngày 23-4-2018 tại Văn phòng Công chứng Gia Phúc, số 43 Trần Phú, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng số Công chứng 2274/2018; quyển số: 01TP/CC-SCC/HĐGD).

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho N thì ông Nguyễn Hữu Q và bà Lê Thị Lệ T vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần đối với khách hàng cá nhân số 0367/2018/HĐTD2/BVB-021 ngày 23-4-2018 kèm theo Khế ước nhận nợ số 0367.01/2018/KUNN2/BVB-021 ngày 24-4-2018 và Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần đối với khách hàng cá nhân số 1012/2018/HĐTD2/BVB-021 ngày 17-10-2018 kèm theo Khế ước nhận nợ số 1012.01/2018/KUNN2/BVB-021 ngày 17-10-2018 được ký kết giữa N với ông Nguyễn Hữu Q và bà Lê Thị Lệ T.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho N mà còn thừa thì trả lại cho ông Nguyễn Hữu Q và bà Lê Thị Lệ T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu Q và bà Lê Thị Lệ T phải liên đới nộp 11.732.000đ (Mười một triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 11.615.000đ (Mười một triệu sáu trăm mười lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006515 ngày 09-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Minh Phương